TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH51600119	Võ Công	Bằng	D17_TH01																						4.46	5.77		4.52	5.30	3.55	3.58	2.09	0.33	4.22	4.91	79/130	37/58				CB_TGIAN	DH16
2	DH51500934	Phạm Anh	Duy	D17_TH01																						2.21	3.59	6.56	5.91	4.75	4.00	6.60	7.09	6.29	7.06	6.33	112/130	52/58				CB_TGIAN	DH15
3	DH51700736	Đinh Tiến	Đạt	D17_TH01																						3.93	2.91		3.84	3.48	5.00	4.00	4.38		4.56	4.11	60/130	28/58				ĐẠT	DH17
4	DH51702143	Lê Văn	Đạt	D17_TH01																						4.64	5.32		3.64	3.22	4.30	4.13	3.88	2.00	4.87	4.45	65/130	32/58				ĐẠT	DH17
5	DH51700223	Bùi Trần Trường	Giang	D17_TH01																						5.21	5.09		3.44	2.17		3.06	1.44		0.00	3.03	44/130	20/58	CB_BTH_2		KoDKMH	DC	DH17
6	DH51700706	Nguyễn Phước	Hảo	D17_TH01																						4.86	4.05		4.32	4.94	6.50	5.00	5.46	6.00	5.00	5.61	111/130	50/58				ĐẠT	DH17
7	DH51603778	Bùi Văn	Hóa	D17_TH01																						2.07	3.00		5.48	4.33	5.40	4.94	3.81		5.00	4.98	89/130	40/58				CB_TGIAN	DH16
8	DH51700542	Huỳnh Lê Thanh	Hoàng	D17_TH01																						5.86	4.64		3.76	3.28		1.85	0.00		0.35	3.06	41/130	19/58	CB_BTH_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
9	DH51700266	Nguyễn Lê Quang	Hoàng	D17_TH01																						6.14	5.00	6.00	4.24	5.44	5.75	4.94	4.95		5.12	5.46	96/130	45/58				ĐẠT	DH17
10	DH51602822	Lương Cao	Hồ	D17_TH01																			6.13	3.40	0.00	3.18	3.23		2.94	0.43					0.00	2.83	30/130	16/58	BTH		KoDKMH	BTH	DH16
11	DH51700402	Trần Quốc	Hùng	D17_TH01																						7.21	7.91		8.08	8.28		8.63	8.61		8.12	8.13	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
12	DH51700151	Đỗ Quốc	Huy	D17_TH01																						5.14	3.86		4.40	5.74	6.00	6.16	6.67	7.50	6.18	5.87	104/130	48/58				ĐẠT	DH17
13	DH51700370	Võ Phạm Minh	Huy	D17_TH01																						4.64	5.27		3.68	2.83		4.25	2.32		0.00	3.36	47/130	23/58	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
14	DH51701434	Trần Hữu	Nghĩa	D17_TH01																						5.00	5.68	5.00	3.88	4.17	6.11	4.75	5.04	5.50	5.29	5.32	98/130	43/58				ĐẠT	DH17
15	DH51700228	Lưu Phước	Nhân	D17_TH01																						5.21	4.09		4.24	5.00	4.64	4.84	4.95	3.55	4.90	5.06	91/130	44/58				ĐẠT	DH17
16	DH51700010	Nguyễn Bảo	Phát	D17_TH01																						4.86	3.14	4.67	3.92	5.28	4.00	3.18	4.43	4.00	3.40	4.55	63/130	31/58	CB_BTH_1			CB_BTH	DH17
17	DH51501994	Triệu Uy	Phú	D17_TH01																6.88	6.75		6.82							7.89		6.94	8.22		7.55	7.30	123/130	59/58				CB_TGIAN	DH15
18	DH51700033	Ngô Hồng	Phúc	D17_TH01																						5.21	4.36	5.00	3.76	5.06	0.00	4.11	4.56	7.50	5.45	5.04	82/130	39/58				ĐẠT	DH17
19	DH51700004	Nguyễn Trương Ngọc	Phước	D17_TH01																						6.36	5.73		4.08	3.67		3.06	0.00		0.00	3.48	50/130	23/58	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
20	DH51601945	Phạm Tài	Rin	D17_TH01																			6.88	7.00		5.59	5.37		5.28	2.94		1.71			0.00	4.64	88/130	44/58	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC & CB_TGIAN	DH16
21	DH51700005	Trịnh Diệu	Thành	D17_TH01																						6.57	5.00		4.20	3.78	6.00	4.38	0.00		0.00	3.75	58/130	27/58	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
22	DH51700238	Nguyễn Hữu	Thắng	D17_TH01																						5.43	4.45	5.00	2.68	3.00		4.78	3.94	8.00	4.94	4.37	65/130	33/58				ĐẠT	DH17
23	DH51701044	Trần Ngọc	Thiên	D17_TH01																						7.86	5.95		7.20	7.67		7.06	7.61		7.67	7.22	129/130	58/58				ĐẠT	DH17
24	DH51700482	Huỳnh Ngọc	Thuận	D17_TH01																						5.50	4.05	5.00	4.48	4.44	5.00	3.21	4.16	7.00	5.24	4.79	90/130	40/58				ĐẠT	DH17
25	DH51704277	Nguyễn Minh	Tiến	D17_TH01																						6.29	4.55		5.67	5.16	6.00	7.38	7.04		6.37	6.29	123/130	55/58				ĐẠT	DH17
26	DH51701070	Nguyễn Thành	Tiến	D17_TH01																						6.14	5.00	5.00	4.32	5.56	6.40	5.58	6.42	7.00	6.45	6.06	122/130	54/58				ĐẠT	DH17
27	DH51700486	Phan Trần	Tiến	D17_TH01																						6.14	6.59		6.56	6.59	5.71	4.44	4.94		3.68	5.80	102/130	45/58				ĐẠT	DH17
28	DH51700160	Trịnh Phước	Tín	D17_TH01																						5.50	5.36	6.00	5.04	5.94	7.00	6.16	6.09	7.00	7.65	6.45	131/130	58/58				ĐẠT	DH17
29	DH51700885	Nguyễn Thanh	Toàn	D17_TH01																						5.00	3.95	5.67	4.16	5.30	4.45	4.20	4.26	2.00	4.95	5.03	87/130	42/58				ĐẠT	DH17
30	DH51700309	Nguyễn Trần Tiến	Trung	D17_TH01																						6.07	5.09	5.00	4.12	6.06	5.00	4.37	4.56	5.50	5.15	5.36	98/130	46/58				ĐẠT	DH17
31	DH51700307	Trần Nguyễn Minh	Trung	D17_TH01																						5.21	5.32	5.00	3.92	4.28	6.00	3.79	2.61	3.00	1.10	4.00	69/130	31/58	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
32	DH51704418	Nguyễn Nhật	Trường	D17_TH01																						5.71	4.45	2.86	3.88	4.06	6.00	5.23	4.41		0.22	4.44	75/130	36/58	CCHV_2	NoHP		DC	DH17
33	DH51602492	Nguyễn Xuân	Trường	D17_TH01																			4.94	4.45	6.60	5.12	5.47	5.88	5.00	4.87		0.91			0.68	4.61	75/130	38/58	CCHV_2			CB_TGIAN	DH16
34	DH51702965	Phan Thanh	Tuyến	D17_TH01																						5.19	5.82	5.00	4.50	5.06	6.50	5.84	5.45		5.47	5.69	120/130	54/58				ĐẠT	DH17
35	DH51700030	Bùi Võ Thanh	Uy	D17_TH01																						5.21	4.18	6.00	3.72	5.06		4.50	5.57	7.50	5.85	5.15	91/130	41/58				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
36	DH51701197	Ngô Thiện	Vinh	D17_TH01																						4.29	3.55	4.00	4.16	5.05	3.60	4.65	4.00		4.67	4.50	69/130	34/58				ĐẠT	DH17
37	DH51700739	Nguyễn Khởi	Xuyên	D17_TH01																						6.14	5.05		3.96	4.89	3.00	3.31	1.86		0.00	3.65	58/130	29/58	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
38	DH51700820	Đặng Bình	An	D17_TH02																						6.50	5.73	0.00	5.12	6.22	5.57	5.75	5.83		5.09	5.92	114/130	52/58				ĐẠT	DH17
39	DH51701437	Ngô Tài	Cơ	D17_TH02																						5.00	3.41	2.57	5.60	6.24	4.86	7.00	7.00	5.29	7.24	6.45	118/130	55/58				ĐẠT	DH17
40	DH51701212	Trần Văn	Đại	D17_TH02																						5.21	5.23	5.00	5.68	6.19	3.00	6.11	6.86		7.00	6.30	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
41	DH51702860	Nguyễn Tấn	Hải	D17_TH02																						6.10	3.22		3.40	2.60	6.00	4.26	3.14		4.15	4.36	77/130	36/58				ĐẠT	DH17
42	DH51700168	Nguyễn Phạm Nhựt	Hào	D17_TH02																						6.07	5.59	6.00	5.80	6.39	5.00	5.53	6.72		5.65	6.14	127/130	57/58				ĐẠT	DH17
43	DH51700788	Lê Xuân	Hậu	D17_TH02																						5.36	6.05	6.00	5.60	6.19	6.00	6.44	6.90		8.20	6.64	129/130	58/58				ĐẠT	DH17
44	DH51700650	Đoàn Quang	Huy	D17_TH02																						7.07	6.55		6.20	6.50	6.00	6.81	7.44		7.35	6.86	129/130	57/58				ĐẠT	DH17
45	DH51700230	Đỗ Nhựt Vĩ	Khang	D17_TH02																						5.79	4.05		5.48	5.74	7.00	6.37	5.62		6.40	6.02	119/130	55/58				ĐẠT	DH17
46	DH51705236	Lê Quốc	Khánh	D17_TH02																						5.14	2.95	0.00	3.36	1.33		4.50	4.42	5.43	5.50	4.25	72/130	33/58				ĐẠT	DH17
47	DH51700502	Lại Minh	Khôi	D17_TH02																						6.93	6.09		6.08	6.33		6.55	6.39		7.94	6.75	127/130	57/58				ĐẠT	DH17
48	DH51700315	Huỳnh Nhật	Long	D17_TH02																						4.71	3.82	0.00	5.08	2.93	1.33	4.32	5.40	4.33	5.21	5.28	98/130	48/58				ĐẠT	DH17
49	DH51700660	Nguyễn Chí	Nghĩa	D17_TH02																						5.21	5.27	4.67	5.56	6.43	6.00	6.25	6.27	5.50	6.65	6.32	126/130	57/58				ĐẠT	DH17
50	DH51700752	Lê Trung	Nhân	D17_TH02																						5.43	4.59	4.00	5.16	5.43	5.50	5.86	6.09	7.00	6.89	6.19	123/130	56/58				ĐẠT	DH17
51	DH51700894	Phan Thành	Nhân	D17_TH02																						5.64	4.95	5.00	5.44	6.33	7.50	5.68	6.25	4.00	6.05	6.11	123/130	57/58				ĐẠT	DH17
52	DH51700317	Nguyễn Văn	Sinh	D17_TH02																						4.93	3.09	0.67	2.77	4.21	3.67	5.11	5.55	7.00	5.84	5.68	115/130	53/58				ĐẠT	DH17
53	DH51700767	Nguyễn Kim	Sơn	D17_TH02																						6.21	5.82		5.24	6.32		4.58	6.67	6.00	6.78	6.14	126/130	56/58				ĐẠT	DH17
54	DH51700743	Nguyễn Thanh	Tài	D17_TH02																						4.71	3.91		4.36	5.28	6.50	5.00	3.92	6.30	5.29	5.34	98/130	46/58				ĐẠT	DH17
55	DH51700821	Thái	Tài	D17_TH02																						4.93	3.64	6.00	5.48	6.24	5.50	6.68	6.19		7.00	6.35	129/130	57/58				ĐẠT	DH17
56	DH51700364	Trần Linh	Thái	D17_TH02																						6.14	3.45	6.00	3.76	5.64	3.14	2.04	5.28		6.24	4.96	80/130	40/58				ĐẠT	DH17
57	DH51702546	Đinh Huỳnh Phước	Thành	D17_TH02																						5.21	5.23	3.14	4.80	5.29	4.57	5.59	6.50	6.43	5.65	5.98	117/130	54/58				ĐẠT	DH17
58	DH51701349	Nguyễn Đồng	Tính	D17_TH02																						4.36	3.68		4.30	6.11		6.33	6.27	6.33	6.70	5.78	112/130	52/58				ĐẠT	DH17
59	DH51701485	Huỳnh Lê Xuân	Tịnh	D17_TH02																						4.64	3.95	3.71	4.12	4.05	5.40	4.77	6.17	7.00	5.14	5.40	106/130	49/58				ĐẠT	DH17
60	DH51702593	Nguyễn Văn	Toàn	D17_TH02																						7.29	7.05		6.28	6.89		6.50	7.06		6.35	6.75	127/130	57/58				ĐẠT	DH17
61	DH51700255	Nguyễn Hoàng	Tùng	D17_TH02																						4.86	4.41	5.00	4.52	3.73	7.00	4.35	4.91	5.50	5.35	5.26	102/130	47/58				ĐẠT	DH17
62	DH51700429	Nguyễn Tuấn	Vũ	D17_TH02																						5.57	3.73		4.22	4.89		4.72	5.38	5.50	4.86	5.10	86/130	42/58				ĐẠT	DH17
63	DH51700184	Trương Vủ	Vững	D17_TH02																						6.36	5.82		5.76	6.00		6.00	6.20	9.00	6.24	6.27	126/130	58/58				ĐẠT	DH17
64	DH51701283	Võ Tấn Huỳnh	Anh	D17_TH03																						4.29	3.77		4.16	3.56		5.00	5.05	4.14	5.00	4.50	73/130	35/58				ĐẠT	DH17
65	DH51700032	Nguyễn Phước Ngọc	ánh	D17_TH03																						7.79	6.68		4.72	6.28		4.85	6.53	7.00	5.81	6.45	127/130	57/58				ĐẠT	DH17
66	DH51700666	Lê Vũ	Bình	D17_TH03																						5.57	4.73	9.00	4.92	5.17	5.86	6.19	5.71	4.50	6.10	5.86	120/130	54/58				ĐẠT	DH17
67	DH51700287	Trương Tấn	Duy	D17_TH03																						5.64	5.14		4.88	5.55	5.00	4.45	6.05	6.50	5.92	5.98	124/130	57/58				ĐẠT	DH17
68	DH51700472	Võ Thành	Đạt	D17_TH03																						5.57	3.77		2.64	0.00	0.00	4.31	5.68	4.29	5.60	4.08	74/130	35/58				ĐẠT	DH17
69	DH51700412	Đỗ Phương	Đô	D17_TH03																						8.00	6.91		5.28	6.17		5.89	6.95	5.00	6.65	6.66	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
70	DH51700981	Lê Thị Ngọc	Giàu	D17_TH03																						4.07	5.00	4.78	4.68	5.41		5.57	6.81	6.60	6.00	6.14	126/130	57/58				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
71	DH51700246	Đặng Chí	Hoàng	D17_TH03																						6.79	6.32		5.80	6.14		6.13	6.89	3.00	6.29	6.42	124/130	57/58				ĐẠT	DH17
72	DH51701042	Đặng Hoàng	Huy	D17_TH03																						4.86	5.82	4.00	5.68	6.33		6.44	7.09	6.00	6.88	6.48	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
73	DH51700289	Trần Chí	Hữu	D17_TH03																						6.71	4.73		4.96	4.82		5.29	5.88	5.00	5.60	5.85	125/130	57/58				ĐẠT	DH17
74	DH51700009	Phan Hiếu	Khang	D17_TH03																						5.50	5.32		3.96	4.06		0.00	3.44	5.00	5.94	4.47	59/130	27/58				ĐẠT	DH17
75	DH51700365	Trình Đăng	Khoa	D17_TH03																						5.29	3.95		3.72	3.63		5.56	6.59	3.29	6.30	5.28	89/130	43/58				ĐẠT	DH17
76	DH51701002	Trịnh Gia	Lệ	D17_TH03																						7.86	8.09		7.60	8.11		7.13	8.33	8.00	7.12	7.88	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
77	DH51700681	Nguyễn Thành	Liêm	D17_TH03																						6.43	5.68		4.96	4.86		4.95	5.65	5.50	5.85	5.83	115/130	54/58				ĐẠT	DH17
78	DH51701886	Nguyễn Kim	Long	D17_TH03																						6.43	5.82		4.64	5.88		5.24	6.53	5.50	6.20	6.17	120/130	55/58				ĐẠT	DH17
79	DH51700557	Lê Thiên	Lộc	D17_TH03																						4.21	3.73	5.00	4.57	3.95		4.44	5.21	5.14	4.59	4.61	66/130	32/58				ĐẠT	DH17
80	DH51700968	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D17_TH03																						6.93	6.50		5.36	6.06		5.77	7.33		6.44	6.45	127/130	58/58				ĐẠT	DH17
81	DH51700148	Lý Quang	Nhựt	D17_TH03																						6.14	5.50		4.24	6.22		5.35	6.04	6.67	5.35	5.94	122/130	54/58				ĐẠT	DH17
82	DH51700758	Nguyễn Đình	Tài	D17_TH03																						7.79	7.00		5.64	6.44	5.00	6.65	6.44		5.56	6.56	124/130	57/58				ĐẠT	DH17
83	DH51700024	Thiều Chí	Thiện	D17_TH03																						8.36	8.00		7.04	7.11		7.63	7.94	7.00	7.71	7.71	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
84	DH51700970	Đặng Thị Hoàng	Thư	D17_TH03																						5.71	6.18	5.33	5.32	5.72	6.00	6.44	7.50	5.00	5.61	6.25	124/130	56/58				ĐẠT	DH17
85	DH51700924	Ngô Hồng	Thức	D17_TH03																						5.71	5.32	4.00	4.16	5.43	6.00	5.71	4.28	4.00	5.00	5.22	88/130	41/58				ĐẠT	DH17
86	DH51700411	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	D17_TH03																						7.71	7.00		5.32	6.11		6.26	7.56	5.00	6.53	6.68	127/130	58/58				ĐẠT	DH17
87	DH51701784	Vũ Tiến	Trung	D17_TH03																						3.93	4.82	3.00	4.33	4.32		4.56	5.06	4.30	4.76	4.77	69/130	33/58				ĐẠT	DH17
88	DH51700597	Lê Quang Nhật	Tuấn	D17_TH03																						6.00	5.55	5.80	5.24	6.19	0.00	6.53	6.83	5.00	5.35	6.26	122/130	56/58				ĐẠT	DH17
89	DH51700713	Phạm Thanh	Tùng	D17_TH03																						5.29	3.77	3.00	3.94	4.84		4.70	4.42	3.90	0.00	4.13	62/130	33/58	CCHV_3	NoHP		DC	DH17
90	DH51700933	Trần Thiện	An	D17_TH04																						7.14	6.05	6.00	4.60	6.50	5.57	5.63	6.47	6.00	6.35	6.38	123/130	56/58				ĐẠT	DH17
91	DH51700075	Đặng Hiển	Chí	D17_TH04																						7.36	7.50		6.52	6.67	5.00	6.56	7.83		7.18	7.14	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
92	DH51701544	Lê Nguyễn Khánh	Duy	D17_TH04																						5.64	5.32		5.16	5.94		5.18	6.14	7.86	6.53	6.11	129/130	58/58				ĐẠT	DH17
93	DH51701479	Lê Hải	Dương	D17_TH04																						3.00	3.14	1.57	3.92	4.21		4.67	4.89	5.20	4.86	4.98	83/130	39/58				ĐẠT	DH17
94	DH51701106	Trần Phát	Đạt	D17_TH04																						1.00	3.27	2.33	4.40	4.25	2.57	4.00	3.64	4.50	3.75	4.58	70/130	32/58				ĐẠT	DH17
95	DH51701128	Phùng Hữu	Đức	D17_TH04																						4.79	4.50	5.00	3.72	4.61		4.54	6.04	4.60	5.14	5.39	105/130	48/58				ĐẠT	DH17
96	DH51701464	Mông Hà Trung	Huyền	D17_TH04																						5.57	4.91	5.00	5.04	6.55		6.00	6.23		5.47	6.08	117/130	55/58				ĐẠT	DH17
97	DH51700916	Huỳnh Hữu	Khang	D17_TH04																						6.29	5.32		4.80	6.22		5.38	7.00	8.00	6.86	6.44	127/130	58/58				ĐẠT	DH17
98	DH51704991	Võ Hoàng	Kỳ	D17_TH04																						4.79	7.00	6.00	6.76	7.22	5.00	8.25	7.55		7.82	7.36	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
99	DH51705268	Nguyễn Thành	Lợi	D17_TH04																						3.93	4.09	4.86	5.40	5.05	4.00	5.09	6.88	6.13	6.00	6.17	118/130	54/58				ĐẠT	DH17
100	DH51700770	Nguyễn Tấn	Mẫn	D17_TH04																						3.36	0.45		1.72	3.39		4.00	1.79	0.00	0.00	2.43	29/130	12/58	BTH	NoHP	KoDKMH	BTH	DH17
101	DH51701233	Hà Minh	Nguyên	D17_TH04																						3.64	4.32		4.64	5.44	7.15	5.78	7.00	5.00	5.10	6.01	117/130	54/58				ĐẠT	DH17
102	DH51703879	Nguyễn Minh	Nhật	D17_TH04																						5.64	5.09	0.00	5.36	5.33	5.50	5.26	5.57	6.00	5.43	5.91	118/130	55/58				ĐẠT	DH17
103	DH51701575	Trần Đức	Quốc	D17_TH04																						5.64	4.18		4.40	5.00	3.71	2.33	0.89		0.00	3.49	52/130	24/58	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
104	DH51700889	Dương Ngọc	Sang	D17_TH04																						7.43	7.18		6.20	5.61		6.21	6.15		5.94	6.49	121/130	54/58				ĐẠT	DH17
105	DH51700898	Võ Phi	Sơn	D17_TH04																						6.07	5.77		5.04	5.39	6.00	5.70	6.00	6.00	6.17	6.02	120/130	55/58				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
106	DH51701611	Nguyễn Huỳnh Minh	Tâm	D17_TH04																						5.64	6.50	8.00	6.48	7.11		6.95	7.95		7.35	7.16	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
107	DH51704135	Thái Châu	Thanh	D17_TH04																						5.50	4.14	0.00	4.88	5.35	5.00	4.96	5.60	5.70	6.33	5.80	113/130	52/58				ĐẠT	DH17
108	DH51701428	Hồ Tấn	Thịnh	D17_TH04																						6.29	5.00		4.41	3.73	0.00	5.31	5.90	5.10	6.04	5.47	106/130	50/58				ĐẠT	DH17
109	DH51701609	Nguyễn Huỳnh Minh	Thơ	D17_TH04																						5.21	7.00	7.33	6.68	7.44		6.89	7.50		7.53	7.23	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
110	DH51701413	Lê Tuấn	Toàn	D17_TH04																						4.86	4.95	4.00	4.28	5.50	4.70	4.90	5.05	0.00	0.00	4.52	81/130	39/58	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
111	DH51700559	Nguyễn Hoàng	Toàn	D17_TH04																						6.79	6.36		5.96	6.56		5.89	6.90		6.59	6.49	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
112	DH51701174	Đặng Hoàng	Trương	D17_TH04																						6.86	4.09		4.96	6.15	7.50	5.70	5.00		5.80	5.93	112/130	52/58				ĐẠT	DH17
113	DH51701297	Nguyễn Chí	Trường	D17_TH04																						5.29	5.18	5.00	5.24	6.22	6.50	5.47	6.00	5.00	5.43	5.97	124/130	57/58				ĐẠT	DH17
114	DH51701265	Nguyễn Thanh	Tuấn	D17_TH04																						4.64	4.27		4.48	5.50		5.37	6.04	3.70	7.06	5.54	100/130	49/58				ĐẠT	DH17
115	DH51700818	Ngô Tường	Vũ	D17_TH04																						6.86	7.09		5.85	6.33	6.00	5.63	6.83		6.50	6.62	127/130	58/58				ĐẠT	DH17
116	DH51701347	Nhan Hồng Hải	Yến	D17_TH04																						4.93	4.55	5.00	4.24	5.74	5.00	4.55	5.73	3.71	4.88	5.53	110/130	51/58				ĐẠT	DH17
117	DH51703065	Trần Thái	An	D17_TH05																						6.36	7.55		6.36	6.50		5.88	7.50		6.60	6.77	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
118	DH51701074	Nguyễn Minh	ánh	D17_TH05																						3.93	4.05		4.00	4.77	4.33	4.29	3.80	6.25	5.08	4.91	79/130	38/58				ĐẠT	DH17
119	DH51704984	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D17_TH05																						7.64	7.82		6.84	7.89		6.81	7.39		7.41	7.38	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
120	DH51702456	Trần Thành	Đạt	D17_TH05																						5.71	5.59		5.16	5.76		4.76	6.14	7.33	6.30	6.15	116/130	54/58				ĐẠT	DH17
121	DH51702315	Nguyễn Minh	Hiếu	D17_TH05																						6.21	6.77		5.40	5.63		5.75	5.30		5.94	5.88	121/130	54/58				ĐẠT	DH17
122	DH51701452	Nguyễn Đức	Huy	D17_TH05																						5.21	4.77	6.57	5.44	5.33		7.10	7.09	3.00	7.88	6.50	122/130	57/58				ĐẠT	DH17
123	DH51702379	Nguyễn Ngọc	Huy	D17_TH05																						4.14	4.86	2.78	3.79	3.36		4.28	1.63	0.67	0.00	3.29	55/130	26/58	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
124	DH51701800	Lày Vân	Long	D17_TH05																						6.00	5.50		5.06	5.50	5.29	5.08	4.52		5.04	5.50	100/130	49/58				ĐẠT	DH17
125	DH51701770	Trần Phúc	Lộc	D17_TH05																						4.36	4.41		5.00	5.72	3.14	4.56	4.17	4.27	5.50	5.23	98/130	46/58				ĐẠT	DH17
126	DH51705068	Nguyễn Văn	Nam	D17_TH05																						4.71	3.50		6.19	5.57	7.60	4.38	4.72	7.00	5.71	5.85	105/130	48/58				ĐẠT	DH17
127	DH51702311	Trần Hoài	Nam	D17_TH05																						3.79	3.55	4.00	4.40	4.06	0.00	4.38	4.00	7.00	3.71	4.24	57/130	29/58				ĐẠT	DH17
128	DH51700986	Trần Tấn	Phát	D17_TH05																						4.93	4.36	4.00	5.44	4.61	8.00	3.95	3.77	7.00	4.65	4.94	87/130	42/58				ĐẠT	DH17
129	DH51701732	Ngô Minh	Quan	D17_TH05																						4.50	5.18	6.57	5.40	4.28	0.00	4.50	4.12	5.00	4.88	5.12	87/130	41/58				ĐẠT	DH17
130	DH51701323	Ngô Lâm Quang	Tín	D17_TH05																						7.14	6.27		6.24	6.83	5.00	7.50	7.65	6.00	8.29	7.17	132/130	59/58				ĐẠT	DH17
131	DH51701831	Phạm Quốc	Tuấn	D17_TH05																						5.50	4.91		3.91	6.00	4.00	5.60	5.60	6.00	6.61	5.99	110/130	51/58				ĐẠT	DH17
132	DH51701862	Nguyễn Minh	Tùng	D17_TH05																						4.00	5.09	6.57	5.12	4.56	0.00	4.59	4.54	7.00	4.94	5.31	102/130	48/58				ĐẠT	DH17
133	DH51701689	Dương Quỳnh Thanh	Vy	D17_TH05																						4.50	2.86	3.86	4.93	4.35	0.00	4.59	3.78	2.50	4.00	4.57	70/130	36/58				ĐẠT	DH17
134	DH51705259	Chế Ngọc	An	D17_TH06																						5.07	4.00	4.14	5.40	5.45	3.27	5.12	4.17	4.00	4.59	5.20	87/130	40/58				ĐẠT	DH17
135	DH51702410	Trần Quang	Anh	D17_TH06																						4.86	3.05	0.00	3.26	3.65	4.00	5.00	2.63		0.29	3.55	52/130	25/58	CB_BTH_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
136	DH51702188	Triệu Minh	Chiến	D17_TH06																						5.00	2.86	5.00	4.84	5.82	3.50	5.96	5.17	7.00	5.94	6.06	113/130	53/58				ĐẠT	DH17
137	DH51702446	Trần Hoàng Anh	Dũng	D17_TH06																						7.00	4.14		4.94	5.83	5.50	6.33	7.88		7.05	6.80	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
138	DH51701791	Nguyễn Anh	Hào	D17_TH06																						6.14	4.00		5.41	4.91	5.00	4.75	4.25		3.63	5.11	99/130	43/58				ĐẠT	DH17
139	DH51702380	Lê Tấn Quang	Huy	D17_TH06																						5.43	2.82	6.00	4.64	4.68	6.70	4.92	5.82	7.86	6.12	5.99	116/130	52/58				ĐẠT	DH17
140	DH51701863	Lê Trương Tấn	Lộc	D17_TH06																						5.29	4.50	5.00	4.84	4.76	6.00	6.00	6.81	8.00	6.41	6.30	129/130	57/58				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
141	DH51702501	Thái Tuấn	Nhả	D17_TH06																						5.29	4.45	6.00	4.84	5.59	7.43	5.88	6.67	9.00	6.41	6.34	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
142	DH51701870	Nguyễn Duy Đức	Quí	D17_TH06																						5.14	4.18	6.00	4.53	5.38		4.57	5.36	6.40	5.76	5.76	122/130	54/58				ĐẠT	DH17
143	DH51702265	Trần Văn	Sơn	D17_TH06																						6.21	5.32		5.76	5.16	6.00	6.25	6.60		6.67	6.48	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
144	DH51702630	Đinh Tấn	Tài	D17_TH06																						5.50	4.95		5.32	5.76	7.79	6.31	6.45		6.47	6.52	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
145	DH51701777	Đỗ Danh	Thành	D17_TH06																						3.29	2.73		4.04	4.05	4.83	5.21	3.80	0.00	0.71	3.85	59/130	28/58	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
146	DH51702029	Nguyễn Hoàng Bảo	Việt	D17_TH06																						4.50	3.91	5.57	4.16	4.73	4.00	5.00	4.96	7.67	5.42	5.62	110/130	49/58				ĐẠT	DH17
147	DH51703057	Đặng Ngọc	An	D17_TH07																						5.64	4.41	4.00	5.28	5.90		5.53	6.16	3.00	5.00	5.68	112/130	53/58				ĐẠT	DH17
148	DH51703070	Châu Nguyễn Quốc	Anh	D17_TH07																						5.07	5.82		6.08	5.64	4.71	5.58	6.33	4.00	6.00	6.29	118/130	54/58				ĐẠT	DH17
149	DH51703173	Nguyễn Ngọc	Chinh	D17_TH07																						5.71	5.59	5.00	7.00	6.73		7.78	8.61		8.53	7.24	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
150	DH51703249	Phan Thành	Duy	D17_TH07																						8.57	7.55		6.64	7.17	5.00	6.61	6.28		5.67	6.97	124/130	56/58				ĐẠT	DH17
151	DH51703328	Võ Thành	Đạt	D17_TH07																						6.50	7.73	6.00	6.36	6.61	5.00	6.78	6.22		5.20	6.63	121/130	55/58				ĐẠT	DH17
152	DH51703293	Lê Quang	Đức	D17_TH07																						5.71	6.45		6.16	7.19	8.00	6.06	4.61		5.40	6.18	118/130	55/58				ĐẠT	DH17
153	DH51703334	Nguyễn Võ Trường	Giang	D17_TH07																						5.00	5.41	3.00	6.04	5.78		3.80	4.39	2.50	5.62	5.41	99/130	46/58				ĐẠT	DH17
154	DH51700943	Phùng Châu	Hải	D17_TH07																						4.43	4.32	5.00	5.40	6.43	5.00	5.83	3.63	0.00	4.28	5.21	101/130	48/58				ĐẠT	DH17
155	DH51703455	Lê Nguyên	Hậu	D17_TH07																						6.71	6.09		6.08	6.48		1.33	0.00		0.00	4.13	79/130	35/58	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
156	DH51702718	Lê Văn	Hiếu	D17_TH07																						7.00	6.41		6.20	6.38	8.00	6.56	7.17		7.47	6.86	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
157	DH51703404	Vũ Minh	Hiếu	D17_TH07																						4.79	6.05	5.57	5.44	5.83	7.00	6.11	5.70		4.50	5.85	117/130	53/58				ĐẠT	DH17
158	DH51703468	Phạm Minh	Hùng	D17_TH07																						7.36	7.05		6.92	7.55		7.39	8.28		8.27	7.59	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
159	DH51703478	Nghiêm Lê	Huy	D17_TH07																						5.79	7.45		6.28	6.78	6.43	6.71	5.89		6.40	6.73	124/130	56/58				ĐẠT	DH17
160	DH51703482	Nguyễn Hoàng	Huy	D17_TH07																						6.86	6.09		5.52	6.43	5.50	5.00	5.76		4.75	5.98	113/130	52/58				ĐẠT	DH17
161	DH51703591	Trương Thế	Kiệt	D17_TH07																						7.79	6.45		5.72	5.91		5.44	5.65		5.30	6.25	122/130	54/58				ĐẠT	DH17
162	DH51703671	Nguyễn Thanh	Long	D17_TH07																						5.21	3.59	6.00	4.76	6.04		4.72	6.10	3.00	6.00	6.07	121/130	55/58				ĐẠT	DH17
163	DH51703733	Nguyễn Văn	Mạnh	D17_TH07																						5.50	5.45	4.00	5.08	6.32	5.70	5.45	7.33		6.28	6.26	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
164	DH51703716	Lê Nhật	Minh	D17_TH07																						4.64	3.68		5.00	5.00	4.09	2.88	5.04	4.71	5.17	5.18	91/130	46/58				ĐẠT	DH17
165	DH51703728	Vòng Quyền	Minh	D17_TH07																						6.86	7.77		7.24	7.67		7.81	7.33		7.18	7.42	129/130	58/58				ĐẠT	DH17
166	DH51702712	Vũ Công	Minh	D17_TH07																						4.36	5.18	4.00	5.32	5.11	6.20	4.53	3.86	7.00	4.62	5.31	103/130	46/58				ĐẠT	DH17
167	DH51703779	Nguyễn Thanh	Ngân	D17_TH07																						6.21	6.45		5.76	6.22		6.18	7.50		6.18	6.35	127/130	57/58				ĐẠT	DH17
168	DH51705101	Trần Thị Ngọc	Nhật	D17_TH07																						7.00	7.86		6.32	6.78		6.63	7.67		6.41	6.95	127/130	58/58				ĐẠT	DH17
169	DH51703915	Nguyễn Thị Bích	Nhụy	D17_TH07																						7.79	8.05		6.00	7.10		5.89	7.17		5.50	6.90	123/130	56/58				ĐẠT	DH17
170	DH51703886	Lê Quang	Nhựt	D17_TH07																						8.50	8.36		6.20	6.28		6.89	7.53		7.13	7.25	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
171	DH51703938	Nguyễn Hồng	Phi	D17_TH07																						6.29	6.55		5.36	5.28		5.22	5.96		5.20	5.95	120/130	54/58				ĐẠT	DH17
172	DH51703979	Nguyễn Thanh Bình	Phước	D17_TH07																						6.07	6.77		6.64	6.44		5.63	3.94	1.57	6.35	6.17	114/130	53/58				ĐẠT	DH17
173	DH51704078	Thái Thanh	Sơn	D17_TH07																						6.07	5.32		5.76	5.91		6.31	6.24		5.17	5.96	124/130	56/58				ĐẠT	DH17
174	DH51704079	Trần Quốc	Sơn	D17_TH07																						5.57	7.36	10.00	6.72	7.36		5.94	5.06		5.58	6.68	119/130	54/58				ĐẠT	DH17
175	DH51704297	Phạm Trung	Tính	D17_TH07																						6.79	6.59	8.00	5.72	6.91		5.76	7.44		6.60	6.87	128/130	57/58				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
176	DH51704388	Bùi Đức	Trung	D17_TH07																						6.07	5.82		5.72	5.72		6.35	6.36		5.88	6.12	126/130	57/58				ĐẠT	DH17
177	DH51704389	Bùi Phạm Minh	Trung	D17_TH07																						5.50	6.91		5.88	6.22	6.43	6.39	6.47		5.93	6.38	126/130	56/58				ĐẠT	DH17
178	DH51704523	Bạch Chấn	Vĩ	D17_TH07																						6.79	5.05	6.00	6.32	6.64	6.57	7.50	6.55		6.73	6.86	127/130	57/58				ĐẠT	DH17
179	DH51702657	Đặng Như	Vũ	D17_TH07																						5.50	5.82	5.00	5.72	4.33	7.00	5.84	6.08		5.35	5.95	119/130	53/58				ĐẠT	DH17
180	DH51703187	Lê Thành	Công	D17_TH08																						7.43	5.50		5.36	5.72		5.09			4.76	5.81	85/130	38/58				ĐẠT	DH17
181	DH51703313	Đào Quốc	Đạt	D17_TH08																						7.79	6.86		6.44	6.44		7.11	6.43		6.29	6.87	127/130	57/58				ĐẠT	DH17
182	DH51703325	Phan Tất	Đạt	D17_TH08																						4.00	1.82	4.33	0.00	0.00	0.00	0.00	0.45	0.00	1.00	1.90	12/130	7/58	BTH			BTH	DH17
183	DH51703353	Lý Nhật	Hào	D17_TH08																						8.36	8.73		7.84	8.06		7.81	7.95		7.47	8.04	133/130	60/58				ĐẠT	DH17
184	DH51703405	Vũ Trọng	Hiếu	D17_TH08																						8.21	6.45		6.76	5.95		6.19	7.29		7.35	6.99	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
185	DH51703506	Phan Đắc	Huynh	D17_TH08																						7.21	5.59		4.60	5.05		4.52	4.88	1.00	5.13	5.58	114/130	50/58				ĐẠT	DH17
186	DH51703516	Trần Văn	Hưng	D17_TH08																						6.29	5.14		4.56	5.61		6.00	4.50	2.00	5.94	5.58	109/130	50/58				ĐẠT	DH17
187	DH51703549	Phạm Quang	Khánh	D17_TH08																						6.00	4.64		5.32	4.96		5.11	6.17	0.00	5.45	5.74	120/130	55/58				ĐẠT	DH17
188	DH51703677	Trần Minh	Long	D17_TH08																						8.43	7.73		7.04	6.00		5.50	6.33		5.61	6.77	126/130	56/58				ĐẠT	DH17
189	DH51703689	Vũ Thành	Luân	D17_TH08																						7.29	6.14		6.28	5.90		7.06	5.89		5.94	6.40	126/130	57/58				ĐẠT	DH17
190	DH51703722	Nguyễn Thái Quang	Minh	D17_TH08																						5.86	6.00	7.00	4.52	5.71	6.00	6.25	4.75		5.57	5.87	115/130	51/58				ĐẠT	DH17
191	DH51703754	Trần Hoài	Nam	D17_TH08																						8.57	8.64		7.56	7.22		7.38	7.50		7.06	7.71	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
192	DH51703823	Bùi Thanh	Nguyên	D17_TH08																						6.93	5.77		5.72	6.28		5.58	6.61		5.85	6.18	121/130	55/58				ĐẠT	DH17
193	DH51703846	Lê Trí	Nhân	D17_TH08																						7.86	8.55		6.76	7.11		7.06	7.50		6.76	7.37	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
194	DH51703849	Quách Trọng	Nhân	D17_TH08																						7.43	6.77		6.08	6.06		5.95	6.79		6.33	6.54	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
195	DH51703996	Trương Hải Hoàng	Phương	D17_TH08																						7.86	7.45		6.64	6.83		6.44	6.78		6.35	6.89	126/130	57/58				ĐẠT	DH17
196	DH51704012	Phạm Đại Minh	Quân	D17_TH08																						6.57	4.36	2.00	4.24	4.82		6.29	6.91		6.40	6.08	121/130	55/58				ĐẠT	DH17
197	DH51704095	Đoàn Văn Duy	Tâm	D17_TH08																						8.43	8.05		7.52	7.56		7.69	8.28		7.41	7.82	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
198	DH51704328	Lê Thị	Trang	D17_TH08																						6.00	5.77		4.12	5.50		5.85	5.35		5.70	5.84	120/130	53/58				ĐẠT	DH17
199	DH51704380	Nguyễn Minh	Triết	D17_TH08																						7.93	7.00		7.07	5.50		7.04	6.25		6.75	7.03	113/130	51/58				ĐẠT	DH17
200	DH51704395	Nguyễn Quốc	Trung	D17_TH08																						6.00	5.55	5.00	6.48	6.44		7.13	7.28	5.00	5.70	6.50	121/130	55/58				ĐẠT	DH17
201	DH51702344	Bùi Tuấn	Tú	D17_TH08																						7.86	5.91		5.04	5.56	6.00	5.65	3.67	7.00	5.76	5.91	112/130	50/58				ĐẠT	DH17
202	DH51704561	Phạm Xuân Khả	Vy	D17_TH08																						5.57	5.86		5.76	6.11		6.59	5.94		2.82	5.76	108/130	48/58	CCHV_1			CCHV	DH17
203	DH51703142	Trần Huỳnh Quốc	Bảo	D17_TH09																						6.71	6.09		6.13	6.67		5.68	6.89		6.10	6.54	127/130	58/58				ĐẠT	DH17
204	DH51703213	Huỳnh Tuấn	Diệu	D17_TH09																						6.00	4.41		3.95	4.32		3.00	2.85		3.41	4.17	51/130	25/58	CB_BTH_1			CB_BTH	DH17
205	DH51703236	Lê	Duy	D17_TH09																						7.64	7.50		6.77	6.57		6.63	6.58		6.41	6.88	124/130	57/58				ĐẠT	DH17
206	DH51701278	Đỗ Ngọc Hoàng	Hân	D17_TH09																						6.14	6.36		5.45	5.90		6.00	6.10	8.00	6.53	6.42	125/130	56/58				ĐẠT	DH17
207	DH51703378	Nguyễn Văn	Hiền	D17_TH09																						5.50	5.50		3.77	5.04	4.00	5.00	4.71		1.71	4.70	83/130	37/58	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
208	DH51703380	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hiển	D17_TH09																						4.71	2.27		2.15	2.43		2.44	0.53		0.00	2.32	20/130	10/58	BTH	NoHP	KoDKMH	BTH	DH17
209	DH51703400	Trần Giang	Hiếu	D17_TH09																						7.07	6.14		5.77	6.00	6.50	6.25	6.55		6.47	6.50	128/130	56/58				ĐẠT	DH17
210	DH51703451	Tô Siêu	Huệ	D17_TH09																						7.57	7.59		6.83	7.00		7.13	8.26		6.65	7.32	130/130	59/58				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
211	DH51705257	Lương Văn	Khá	D17_TH09																						6.50	5.95		4.95	5.83		4.80	5.05	6.00	6.09	5.92	117/130	54/58				ĐẠT	DH17
212	DH51703553	Trương Duy	Khánh	D17_TH09																						7.29	6.64		6.36	7.00		6.11	7.22		7.33	6.87	128/130	57/58				ĐẠT	DH17
213	DH51703652	Phạm Tấn	Linh	D17_TH09																						5.50	5.45		4.73	5.16	7.00	5.26	0.94	0.00	0.00	4.51	78/130	33/58	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
214	DH51703609	Đỗ Hữu	Lộc	D17_TH09																						6.07	5.05		5.32	5.90	5.40	6.56	7.61		7.07	6.31	128/130	57/58				ĐẠT	DH17
215	DH51703617	Phan Hoàng	Lộc	D17_TH09																						8.07	7.82		7.72	8.00		8.19	8.44		7.59	7.95	130/130	58/58				ĐẠT	DH17
216	DH51703693	Hà Văn	Lượm	D17_TH09																						7.71	5.86		4.91	5.76	5.50	6.56	6.60		6.06	6.30	130/130	58/58		NoHP		DC	DH17
217	DH51703734	Trần Đức	Mạnh	D17_TH09																						4.86	4.64		3.77	5.35	1.50	4.38	5.30		4.54	5.25	102/130	47/58				ĐẠT	DH17
218	DH51704015	Nguyễn Phi Trần	Quốc	D17_TH09																						6.29	4.77		4.32	4.61	6.00	5.32	5.45	6.33	5.42	5.74	112/130	52/58				ĐẠT	DH17
219	DH51705029	Hứa Chấn	Thiên	D17_TH09																						7.07	5.68		4.86	5.86		5.32	5.88		5.96	6.12	120/130	56/58				ĐẠT	DH17
220	DH51704162	Phạm Hồng	Thiên	D17_TH09																						5.50	5.77		4.64	6.17	7.00	6.14	6.79		6.53	6.25	127/130	58/58				ĐẠT	DH17
221	DH51704165	Lê Duy	Thiện	D17_TH09																						6.29	3.64		1.65	1.50	4.67	0.79	3.64		2.55	3.51	49/130	22/58	BTH			BTH	DH17
222	DH51704858	Phạm Trần Thanh	Thuận	D17_TH09																						7.57	7.82		7.41	7.43		7.81	7.72		6.82	7.52	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
223	DH51704265	Phan Nguyễn Hoài	Thương	D17_TH09																						8.14	8.05		7.52	7.90		7.69	8.00		7.12	7.77	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
224	DH51704286	Huỳnh Võ Văn	Tiện	D17_TH09																						6.86	6.73		5.73	6.76		5.55	4.83	2.00	4.12	5.90	107/130	50/58				ĐẠT	DH17
225	DH51705011	Nguyễn Mai Hữu	Trí	D17_TH09																						5.86	5.23		4.84	5.13		5.41	4.88		5.08	5.59	104/130	50/58				ĐẠT	DH17
226	DH51704391	Lê Huỳnh	Trung	D17_TH09																						7.21	5.59		5.23	6.29		6.82	7.21		7.24	6.66	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
227	DH51704422	Trần Vũ	Trường	D17_TH09																						8.21	7.50		7.04	7.33		6.13	7.48		6.17	7.17	133/130	60/58				ĐẠT	DH17
228	DH51704846	Lê Hứa Thị	Tuyết	D17_TH09																						8.07	8.09		6.96	7.50		7.47	8.33		6.71	7.65	130/130	59/58				ĐẠT	DH17
229	DH51704496	Nguyễn Cao	Uyên	D17_TH09																						4.71	4.82	0.00	4.50	4.20		4.52	5.17		3.92	4.99	84/130	40/58				ĐẠT	DH17
230	DH51704509	Trịnh Khải	Văn	D17_TH09																						6.57	7.05		5.04	6.90		5.48	7.05	8.50	7.24	6.83	129/130	58/58				ĐẠT	DH17
231	DH51704964	Trần Nhật	An	D17_TH10																						7.00	5.00		4.00	5.61	4.64	5.58	3.00	5.20	4.60	5.24	93/130	44/58				ĐẠT	DH17
232	DH51701822	Lê Nhật	Anh	D17_TH10																						4.50	4.41		3.96	5.29	4.33	4.40	4.09	5.38	4.35	5.01	104/130	46/58				ĐẠT	DH17
233	DH51705057	Trần Thế	Anh	D17_TH10																						4.93	5.41	4.89	4.56	5.91	5.33	5.56	5.45	7.00	5.19	5.82	117/130	53/58				ĐẠT	DH17
234	DH51704831	Đào Hoàng Thiên	Bảo	D17_TH10																						5.07	5.45		5.18	6.71		5.72	6.11		5.05	5.96	114/130	53/58				ĐẠT	DH17
235	DH51703229	Trần Trung	Dũng	D17_TH10																						6.29	4.68		4.56	6.27		4.62	4.57	4.50	4.10	5.50	103/130	46/58				ĐẠT	DH17
236	DH51703270	Trình Mỹ	Duyên	D17_TH10																						7.57	6.95		5.84	7.09	8.00	6.23	6.31		6.27	6.67	128/130	57/58				ĐẠT	DH17
237	DH51701814	Trần Thị Thùy	Dương	D17_TH10																						3.86	4.59		3.52	4.92	5.50	4.96	3.92	4.78	4.80	5.30	89/130	40/58				ĐẠT	DH17
238	DH51704807	Trương Hoàng Bảo	Đăng	D17_TH10																						5.57	4.59		4.96	5.60	6.00	5.00	6.15	6.00	5.39	5.85	114/130	53/58				ĐẠT	DH17
239	DH51700640	Lưu Kim	Hào	D17_TH10																						6.57	5.77		4.68	5.41	5.00	5.30	5.68	7.00	5.88	5.96	122/130	54/58				ĐẠT	DH17
240	DH51703441	Nguyễn Viết	Hoàng	D17_TH10																						5.50	4.95		5.36	5.70	6.67	5.00	4.25	5.00	4.38	5.42	110/130	48/58				ĐẠT	DH17
241	DH51704939	Nguyễn Tấn	Hồ	D17_TH10																						6.14	4.32		4.60	6.00		5.14	4.63	6.00	4.91	5.42	108/130	49/58				ĐẠT	DH17
242	DH51703477	Lê Văn	Huy	D17_TH10																						4.57	4.68		3.83	5.50		3.87	5.14	5.25	3.61	5.02	89/130	40/58				ĐẠT	DH17
243	DH51703554	Trương Ngọc	Khánh	D17_TH10																						5.07	4.73		3.87	5.91		4.91	5.09	6.00	4.55	5.23	95/130	43/58				ĐẠT	DH17
244	DH51703592	Lê Thị Lệ	Kiều	D17_TH10																						7.29	6.86		5.57	6.57		6.42	6.00		5.94	6.49	121/130	54/58				ĐẠT	DH17
245	DH51705024	Nguyễn Phong	Linh	D17_TH10																						7.21	6.05		5.80	6.17		6.69	6.92		6.88	6.66	130/130	58/58				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
246	DH51704897	Nguyễn Hữu Tấn	Lộc	D17_TH10																						8.43	6.55		6.57	7.65		5.84	6.80		7.35	7.06	129/130	58/58				ĐẠT	DH17
247	DH51704887	Phạm Nguyễn Ngọc	Nhân	D17_TH10																						6.07	5.36		4.80	5.45		5.09	4.87	7.00	4.67	5.65	109/130	49/58				ĐẠT	DH17
248	DH51703896	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	D17_TH10																						5.79	4.77		3.32	5.57		4.15	5.80	8.50	4.33	5.38	101/130	45/58				ĐẠT	DH17
249	DH51704821	Âu Huệ	Như	D17_TH10																						7.07	6.91		5.80	6.33	8.00	6.06	6.22		6.24	6.44	127/130	57/58				ĐẠT	DH17
250	DH51704861	Trương Tấn	Phong	D17_TH10																						7.64	6.91		6.65	6.85		6.38	6.28		6.18	6.68	127/130	57/58				ĐẠT	DH17
251	DH51701975	Dương Gia	Thành	D17_TH10																						5.43	5.82		4.70	6.30		5.45	5.43	4.50	5.50	5.80	119/130	52/58				ĐẠT	DH17
252	DH51701681	Nguyễn Văn	Trung	D17_TH10																						6.00	5.68		5.36	6.33		4.92	6.13	8.00	6.46	6.37	125/130	56/58				ĐẠT	DH17
253	DH51701727	Cao Lê Tuấn	Vũ	D17_TH10																						6.14	4.86		4.65	6.52	7.00	5.27	5.33	4.55	5.09	5.75	111/130	50/58				ĐẠT	DH17
254	DH51704830	Huỳnh Anh	Vũ	D17_TH10																						5.79	5.64		4.24	4.94	6.33	4.85	3.78	6.00	4.35	5.22	97/130	44/58				ĐẠT	DH17

Lưu ý:
- Điểm trung bình được tính đến ngày 18/03/2021 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).
- Phòng Đào tạo nhận đơn giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 23/03/2021 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/03/2021. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C31): - Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

---

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**